

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TẠI ĐÀ NẴNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2023/HC-PT**

Ngày: 11-01-2023

V/v: “*Khởi kiện quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân huyện P.*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Mai Xuân Thành**

*Các thẩm phán:* Ông **Vũ Thanh Liêm**

Ông **Nguyễn Tấn Long**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông **Phạm Tấn Ánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 248/2022/TLPT-HC ngày 28 tháng 10 năm 2022 về “*Khởi kiện quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân huyện P*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 13/2022/HCST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

- Người khởi kiện: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1972. Địa chỉ: thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện P; địa chỉ: thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Minh Q - Phó Chủ tịch (giấy ủy quyền ngày 29/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trường Tiểu học thị trấn P 1; địa chỉ: Khu vực 1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người khởi kiện - bà Lê Thị Thu H và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà H thống nhất trình bày:

Từ năm 2011, bà Lê Thị Thu H được phân công công tác tại Trường Tiểu học L 2, huyện P. Do là vùng đặc biệt khó khăn, nên cán bộ công tác tại đây sẽ được hưởng các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước (chế độ vùng, bãi ngang).

Ngày 03/5/2019, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quyết định số 1804/QĐ-UBND công nhận xã L, huyện P đạt chuẩn nông thôn mới. Căn cứ mục 2 Điều 2 Quyết định số 596/QĐ-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định, thì: “Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo khi được cấp có thẩm quyền công nhận lên phường, thị trấn hoặc đạt chuẩn nông thôn mới trong năm thì được tiếp tục thực hiện hỗ trợ đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 đến hết năm; từ năm tiếp theo các xã này không còn trong danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020...”. Nghĩa là bà H phải tiếp tục được nhận các khoản hỗ trợ đến hết năm 2019, nhưng trên thực tế, Bà chỉ được hưởng chế độ đến hết tháng 07/2019. Sau đó, bà H nhận được thông báo rằng các khoản tiền chi trả trước đây là vượt chế độ nên UBND huyện P đã tổ chức truy thu. Bà thấy việc truy thu này là không phù hợp với quy định tại Quyết định 596/QĐ-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Đến ngày 01/8/2019, bà H xin chuyển công tác đến Trường Tiểu học thị trấn P 1, huyện P. Từ đó đến nay, bà H chưa nhận được bất kỳ một quyết định nào từ UBND huyện P về việc buộc Bà phải hoàn trả tiền chế độ hay kết luận giải quyết cho trường hợp của Bà.

Cuối tháng 7/2021, bà H được Trường Tiểu học thị trấn P 1 thông báo sẽ truy thu khoản chi vượt thông qua hình thức khấu trừ lương. Nhà trường chỉ gửi bản ảnh Quyết định số: 2207/QĐ-UBND của UBND huyện P ban hành ngày 12/7/2021 về việc yêu cầu Trường tiểu học thị trấn P 1 thực hiện việc thu hồi kinh phí đã chi trả để thu hồi số tiền là 9.370.000 đồng.

Đến ngày 13/8/2021, bà H phát hiện tài khoản tiền lương hàng tháng của mình bị khấu trừ số tiền là 2.000.000 đồng, việc khấu trừ này tiếp tục diễn ra vào tháng 9/2021. Sau đó, bà H biết được Trường Tiểu học thị trấn P 1 chủ động khấu trừ theo yêu cầu của UBND huyện P để hoàn trả vào ngân sách Nhà nước. Mặc dù, UBND huyện P không ban hành quyết định riêng cho cá nhân bà H nên việc Trường Tiểu học thị trấn P 1 thực hiện theo Quyết định này là ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của Bà. Do đó, Bà H đề nghị Tòa án hủy bỏ Quyết định số: 2207/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của Ủy ban nhân dân huyện P. Buộc Ủy ban nhân dân huyện P ngừng thực hiện hành vi yêu cầu Trường Tiểu học thị trấn P 1 khấu trừ lương của Bà và buộc UBND huyện P phải hoàn trả số tiền 4.000.000 đồng và các khoản tiền tiếp tục truy thu (nếu có) thông qua việc khấu trừ lương của Bà.

**Người bị kiện** - Ủy ban nhân dân huyện P (người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn Minh Q - chức vụ Phó Chủ tịch) trình bày:

Trước năm 2019, xã L, huyện P là xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn xã L được hưởng các chế độ phụ cấp, trợ cấp theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ.

Ngày 03/5/2019, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quyết định số 1084/QĐ-UBND về việc công nhận xã L đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018. UBND huyện P đã căn cứ Công văn số 807/SNV-TCCC ngày 08/7/2019 của Sở Nội vụ, trong đó hướng dẫn cán bộ, công chức viên chức công tác trên địa bàn xã Quảng Phước, huyện Quảng Điền được hưởng phụ cấp, trợ cấp theo Nghị định số 116 đến ngày 14/3/2019 (ngày có hiệu lực của Quyết định số 620/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của UBND tỉnh về việc công nhận xã Quảng Phước đạt chuẩn nông thôn mới) để thực hiện việc chi trả các khoản phụ cấp, trợ cấp nói

trên đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác trên địa bàn xã L đến ngày 03/5/2019 (ngày xã L được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới).

Tuy nhiên, trong thời gian đó, UBND huyện P nhận được thư kiến nghị của cán bộ, công chức, viên chức công tác trên địa bàn xã L, cụ thể là kiến nghị việc UBND huyện P áp dụng Công văn số 807/SNV-TCCC ngày 08/7/2019 của Sở Nội vụ là không đúng. Do đó, ngày 26/12/2019, UBND huyện P đã có công văn gửi Sở Nội vụ đề nghị hướng dẫn và cho ý kiến việc UBND huyện P căn cứ Công văn số 807 của Sở Nội vụ hướng dẫn xã Quảng Phước, huyện Quảng Điền để áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn xã L có đúng không?.

Ngày 20/3/2020, Sở Nội vụ đã có Công văn số 298/SNV-TCCC về thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác trên địa bàn xã L, trong đó có trích dẫn điểm 2 Điều 3 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ và hướng dẫn: “chế độ phụ cấp, trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ (nay là Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019) trên địa bàn xã L, huyện P được hưởng đến ngày 03/5/2019”.

Căn cứ Công văn số 298/SNV-TCCC của Sở Nội vụ, UBND huyện P đã chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch hướng dẫn các cơ quan đơn vị trên địa bàn xã L chỉ được chi trả chế độ phụ cấp, trợ cấp đến ngày 03/5/2019 và thực hiện thu hồi kinh phí đã chi vượt chế độ để nộp vào ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, còn trường hợp bà Lê Thị Thu H đã không đồng ý nộp tiền, mặc dù UBND huyện P đã gặp gỡ để tuyên truyền, giải thích các chế độ, chính sách liên quan.

Do đó, ngày 12/7/2021, UBND huyện P ban hành Quyết định số 2270/QĐ-UBND về việc thu hồi kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP và Nghị định số 19/2013/NĐ-CP đã chi trả năm 2019.

Sau khi bà Lê Thị Thu H có đơn khởi kiện UBND huyện P đến Tòa án nhân dân tỉnh, thì để có cơ sở chặt chẽ hơn nên ngày 14/01/2022 UBND huyện cũng đã có Công văn số 137/UBND-TCKH gửi Sở Nội vụ đề nghị hướng dẫn áp dụng văn bản chi trả chế độ, chính sách đối với CBCCVC công tác tại xã L, huyện P. Ngày 20/01/2022, Sở Nội vụ đã có Công văn số 92/SNV-TCCB theo

đó Sở Nội vụ vẫn khẳng định chế độ chi trả đối với CBCCVN công tác tại xã L được hưởng đến ngày 03/5/2019 như nội dung Công văn số 298/SNV-TCCB.

Nhận thấy, việc UBND huyện P ban hành Quyết định số: 2207/UBND-NĐ ngày 12/7/2021 về việc thu hồi kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định 116/2010/NĐ-CP và Nghị định 19/2013/NĐ-CP đối với bà Lê Thị Thu H là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật. Do đó, nội dung khởi kiện của bà Lê Thị Thu H là không có cơ sở, đề nghị Tòa án không chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày tại các văn bản đề nghị không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện. Đồng thời đề nghị Tòa án không tiến hành tổ chức đối thoại theo qui định pháp luật.

**Tại bản án hành chính sơ thẩm số 13/2022/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định.**

Căn cứ Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng Hành chính;

Căn cứ Điều 28 Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ; khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu H, về việc:

1.1. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 2207/UBND-NĐ ngày 12/7/2021 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định 116/2010/NĐ-CP và Nghị định 19/2013/NĐ-CP đối với bà Lê Thị Thu H.

1.2. Buộc Ủy ban nhân dân huyện Phú Lộc và Trường Tiểu học Thị trấn Phú Lộc hoàn trả lại số tiền 9.370.000 đồng do thực hiện hành vi khấu trừ lương đối với bà Lê Thị Thu H để truy thu khoản tiền theo Quyết định số 2207/UBND-NĐ ngày 12/7/2021 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Sau khi xét xử sơ thẩm trong thời hạn luật định bà Lê Thị Thu H có đơn kháng cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm bà H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính, các đương sự thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trước năm 2019, xã L, huyện P được công nhận là xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển theo Quyết định số 131/QĐ - TTg ngày 25/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn xã L, huyện P được hưởng các chế độ phụ cấp, trợ cấp theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 và Nghị định số 19/2013/NĐ - CP ngày 23/3/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2009/NĐ-CP về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Căn cứ nội dung Quyết định số 596/QĐ-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định, ngày 03/5/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quyết định số 1084/QĐ-UBND về việc “công nhận xã L đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018”. Tại Điều 2 Quyết định này quy định: “Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 03/5/2019”.

Việc ban hành Quyết định Quyết định số 1084/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế là đảm bảo đúng trình tự quy định tại các Điều 28, Điều 151 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, quy định về Thẩm quyền, Thời hiệu có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo của bà Lê Thị Thu H; Hội đồng xét xử xét thấy.

Theo nội dung quy định tại mục 2 Điều 2 Quyết định số 596/QĐ-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ, thì: Các đối tượng được hưởng chế độ đặc thù chỉ được tính đến hết năm 2018; tuy nhiên do Quyết định số 1084/QĐ-UBND ban hành ngày 03/5/2019 thể hiện đã thực hiện ưu đãi chi trả chế độ cho các đối tượng đến ngày 3/5/2019 (ngày quyết định có hiệu lực pháp

luật) là thể hiện phù hợp chế độ, chính sách đối với các đối tượng bị điều chỉnh bởi nội dung của quyết định đến thời điểm có hiệu lực của văn bản; là có căn cứ đảm bảo, đúng pháp luật.

Trên cơ sở quy định của Quyết định số 1084/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành ngày 03/5/2019; ngày 20/3/2020 Sở Nội vụ đã có Công văn số 298/SNV-TCCC về thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác trên địa bàn xã L, trong đó hướng dẫn: “chế độ phụ cấp, trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP Chính phủ (nay là Nghị định số 76/2019/NĐ) trên địa bàn xã L, huyện P được hưởng đến ngày 03/5/2019”.

Tuy nhiên, do bà Lê Thị Thu H không chấp hành, nên ngày 12/7/2021, UBND huyện P mới ban hành Quyết định số: 2207 để thu hồi kinh phí đã chi vượt cho bà Lê Thị Thu H số tiền là 9.370.000 đồng, tính từ ngày 04/5/2019 đến ngày 31/7/2019.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ... công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì: “Trường hợp nghỉ hưu, phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (hoặc nơi công tác được cấp có thẩm quyền quyết định không còn là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn) thì thôi hưởng chế độ phụ cấp, trợ cấp quy định tại Nghị định này kể từ ngày nghỉ hưu, phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (hoặc nơi công tác được cấp có thẩm quyền quyết định không còn là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn), trừ trường hợp quy định tại Điều 8 Nghị định này”.

Thấy rằng; Tại đoạn 2 khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 116/2010/NĐ-CP Chính phủ quy định về đối tượng áp dụng như sau “... *Đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này bao gồm người đang công tác và người đến công tác ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn...*”. Do vậy kể từ khi địa phương nơi bà H công tác không còn được công nhận là xã khó khăn nữa thì đương nhiên không thuộc đối tượng được hưởng chế độ ưu đãi nữa. Quy định

này cũng không mâu thuẫn với quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ như đã viện dẫn ở trên.

Như vậy, theo các quy định trên thì chế độ hưởng phụ cấp, trợ cấp ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP Chính phủ của bà Lê Thị Thu H phải được chấm dứt chi trả kể từ sau ngày 03/5/2019.

Mặt khác, theo đơn khởi kiện cũng như nội dung của vụ việc thì bà H được phân công công tác tại trường Tiểu học L 2, xã L, huyện P kể từ năm 2011. Do đó, tính đến thời điểm ngày 03/5/2019 (ngày UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quyết định số 1084/QĐ-UBND về việc công nhận xã L đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018) thì thời gian công tác của bà H là chưa đủ 10 năm theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ. Vì vậy, việc UBND huyện P ban hành Quyết định số 2207 để thu hồi kinh phí đã chi vượt chế độ đối bà Lê Thị Thu H là có căn cứ, đảm bảo đúng quy định pháp luật và hướng dẫn của Chính phủ và các cấp có thẩm quyền. Bản án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm không có chứng cứ nào mới làm thay đổi nội dung của vụ án, do vậy đơn kháng cáo của bà H không có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lê Thị Thu H. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2022/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng Hành chính;

Căn cứ Điều 28 Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ; khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy



định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.  
Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu H, về việc:

1.1. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 2207/UBND-NĐ ngày 12/7/2021 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định 116/2010/NĐ-CP và Nghị định 19/2013/NĐ-CP đối với bà Lê Thị Thu H.

1.2. Buộc Ủy ban nhân dân huyện Phú lộc và Trường Tiểu học Thị trấn P hoàn trả lại số tiền 9.370.000 đồng do thực hiện hành vi khấu trừ lương đối với bà Lê Thị Thu H để truy thu khoản tiền theo Quyết định số 2207/UBND-NĐ ngày 12/7/2021 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Bà Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000171 ngày 12/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Mai Xuân Thành**